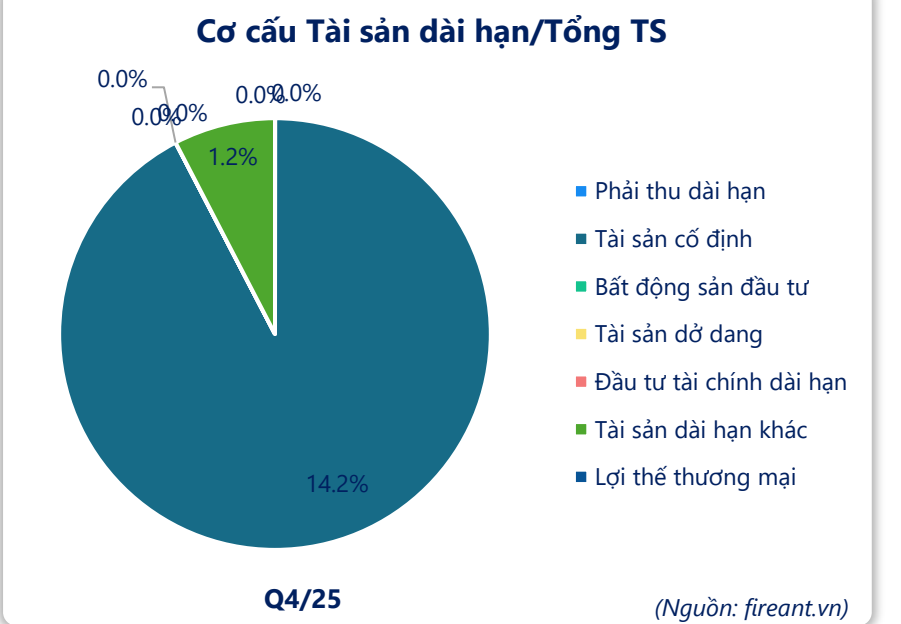
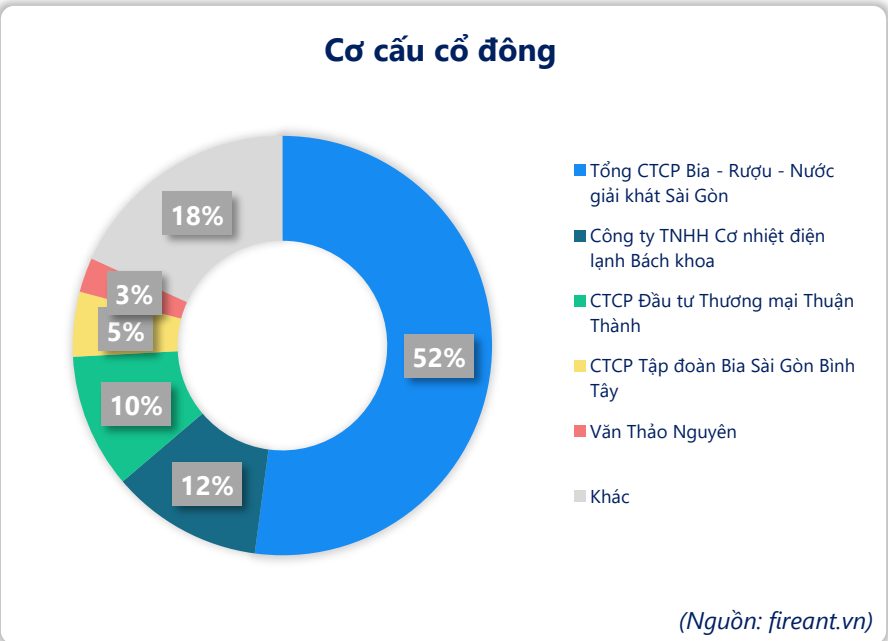
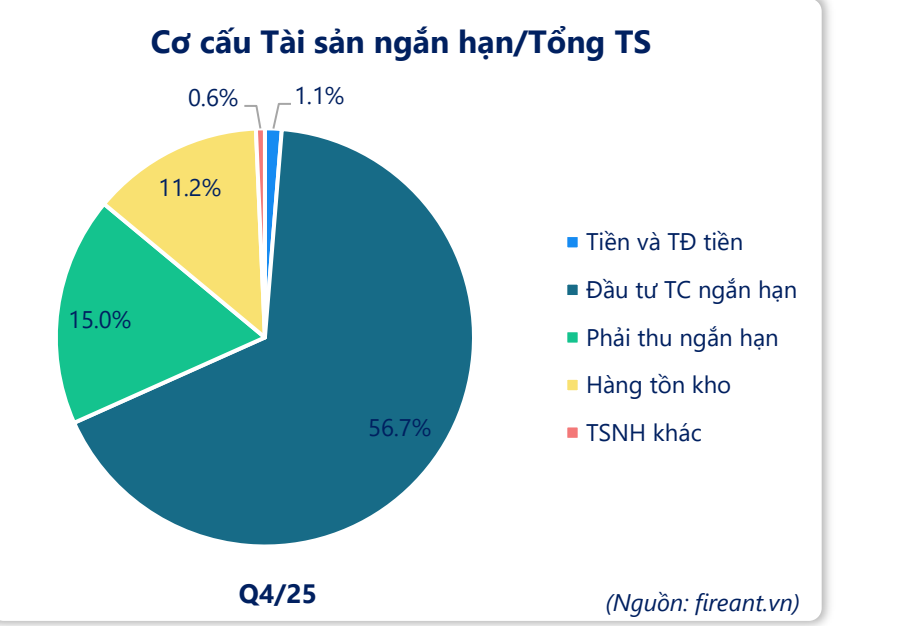
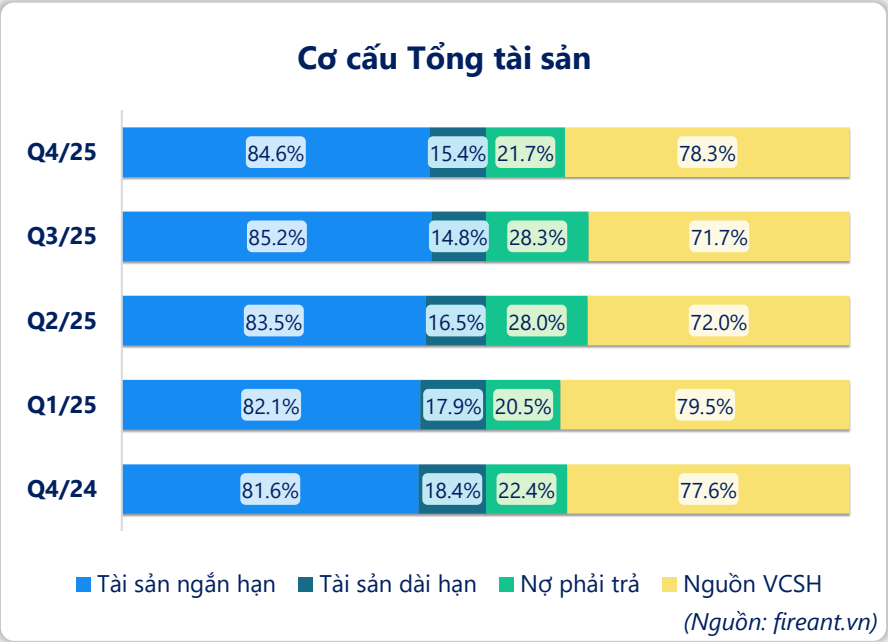
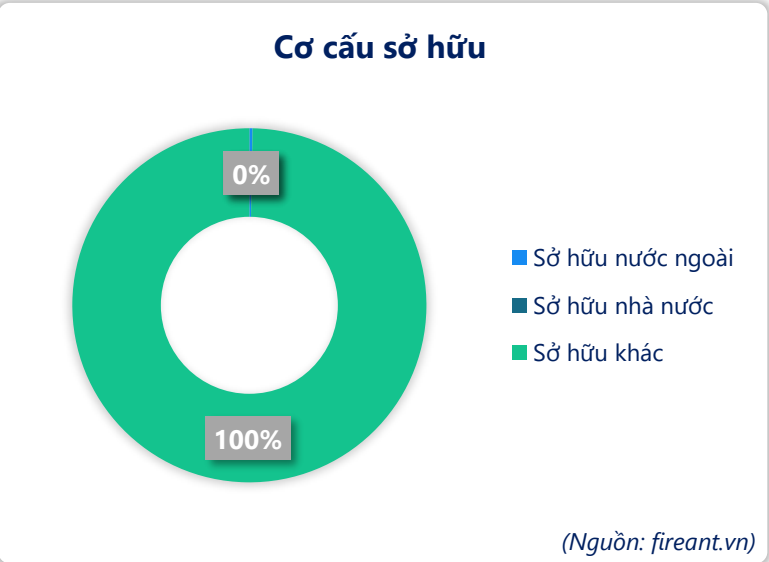
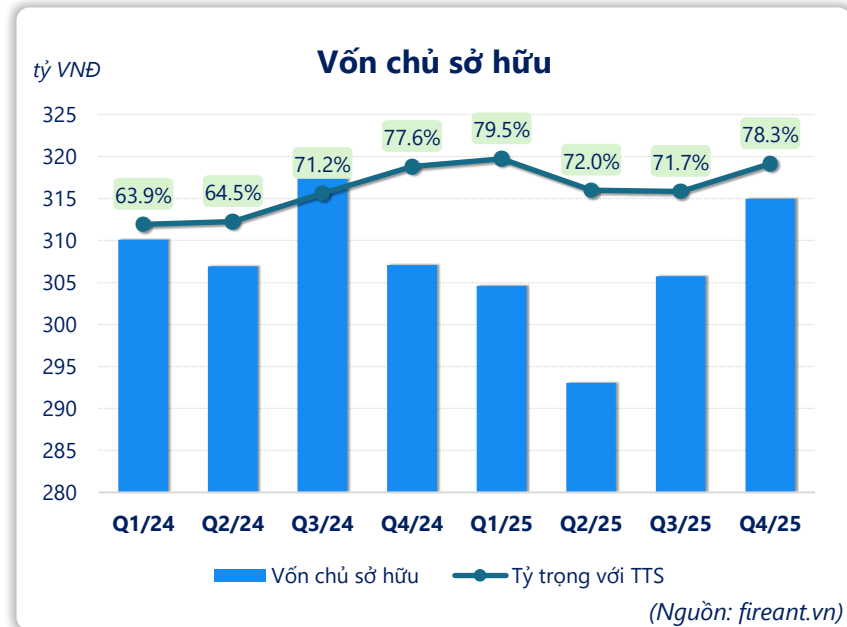
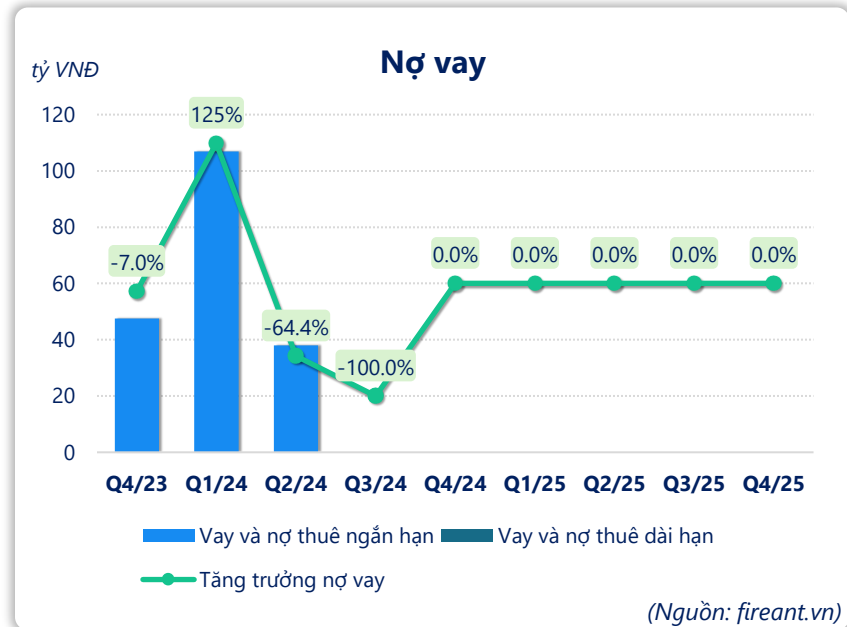
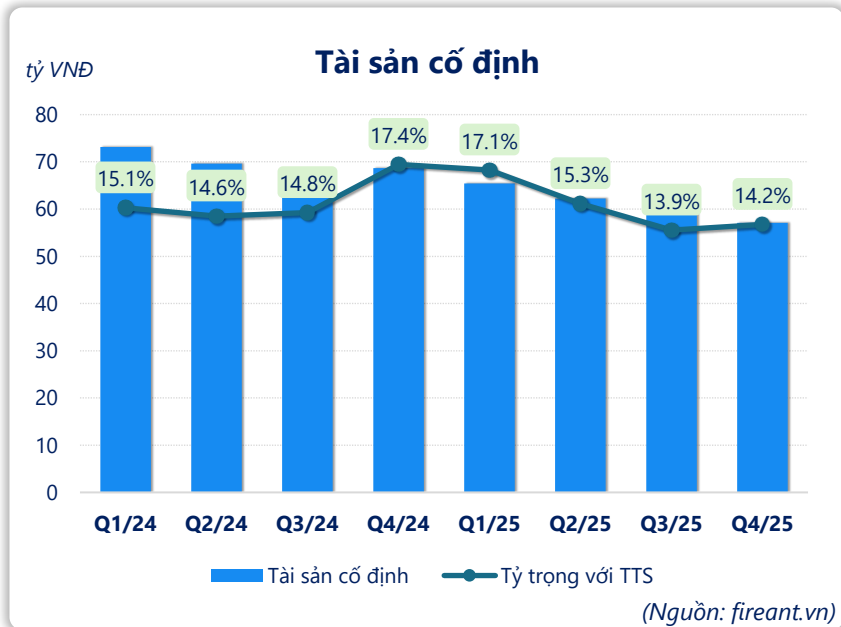
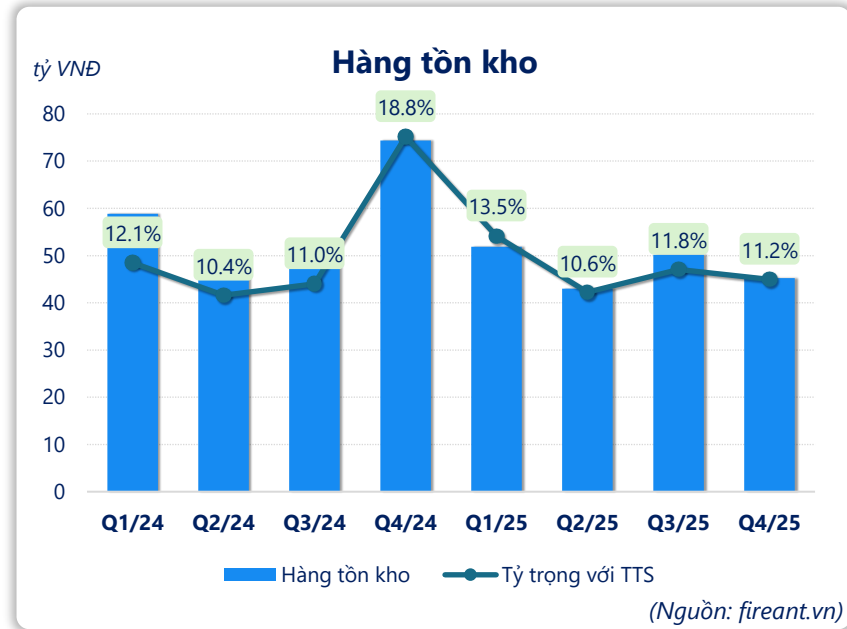
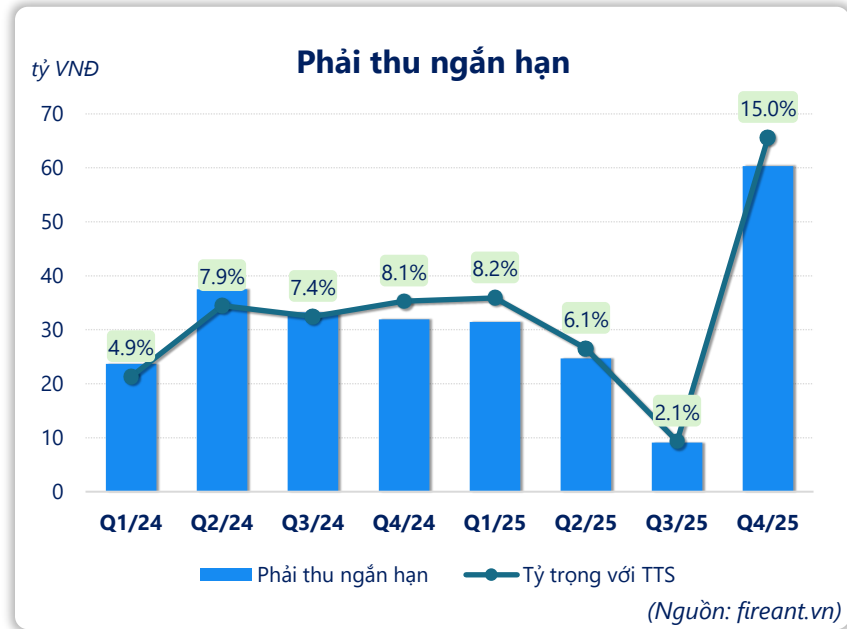
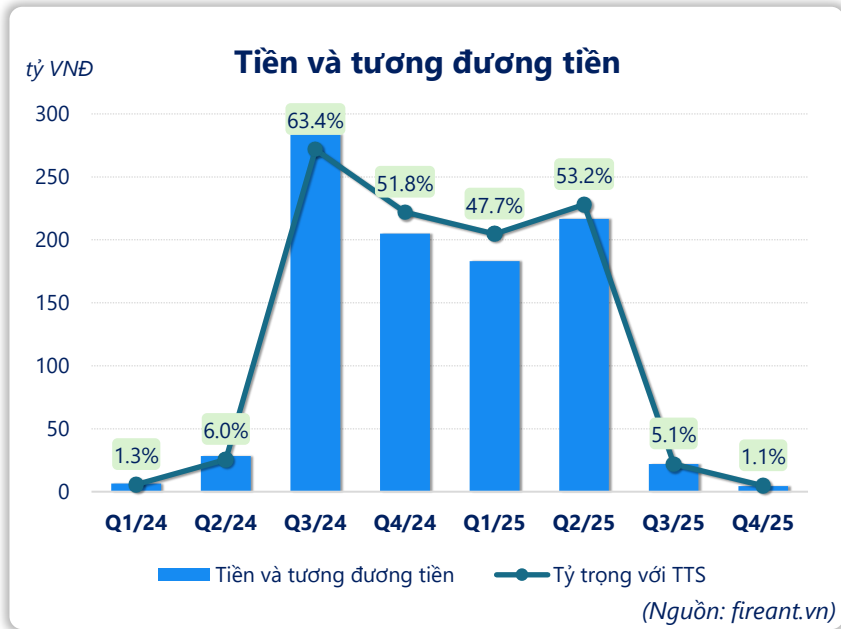
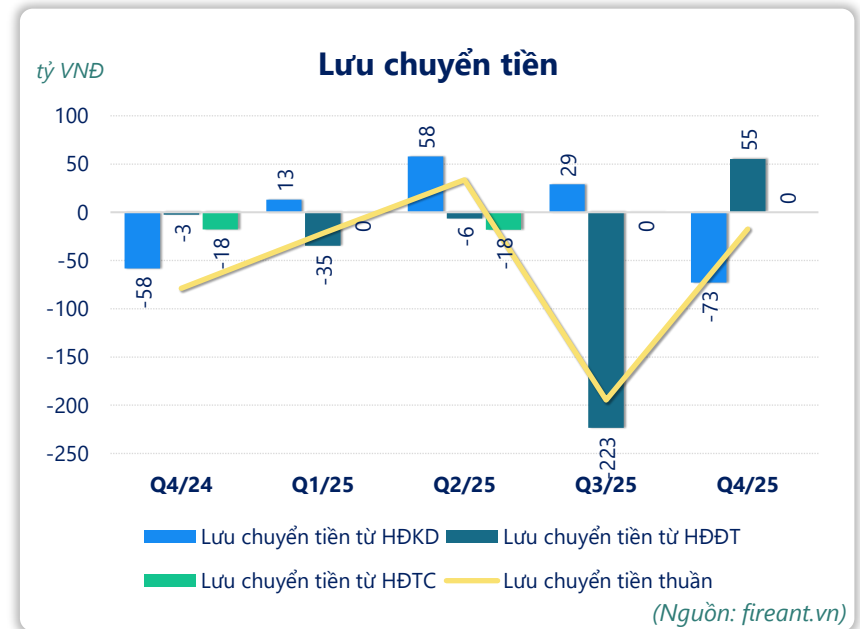
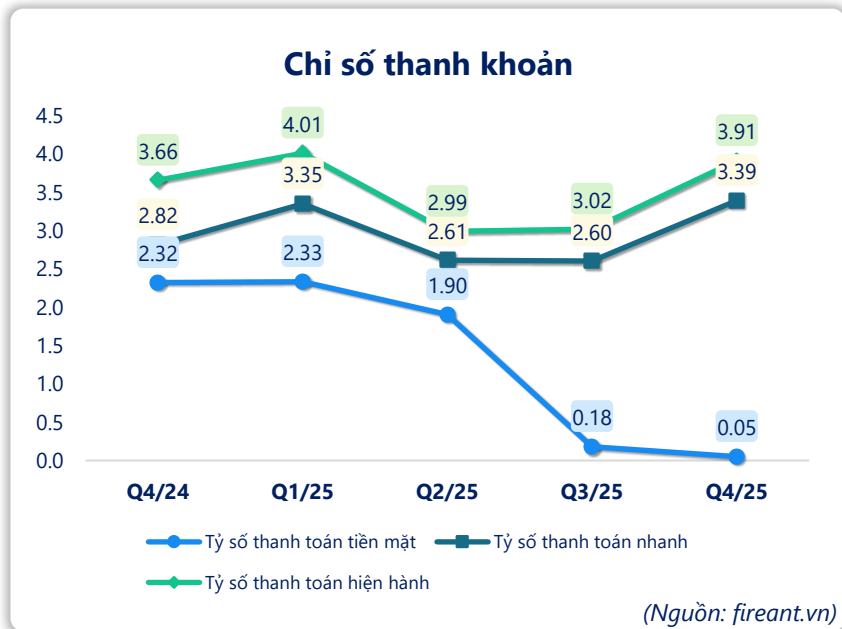
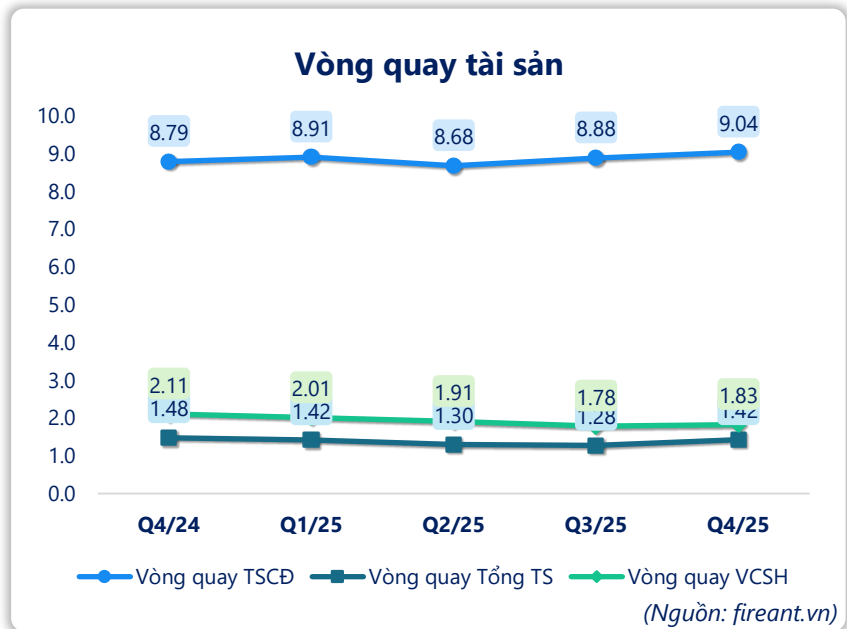
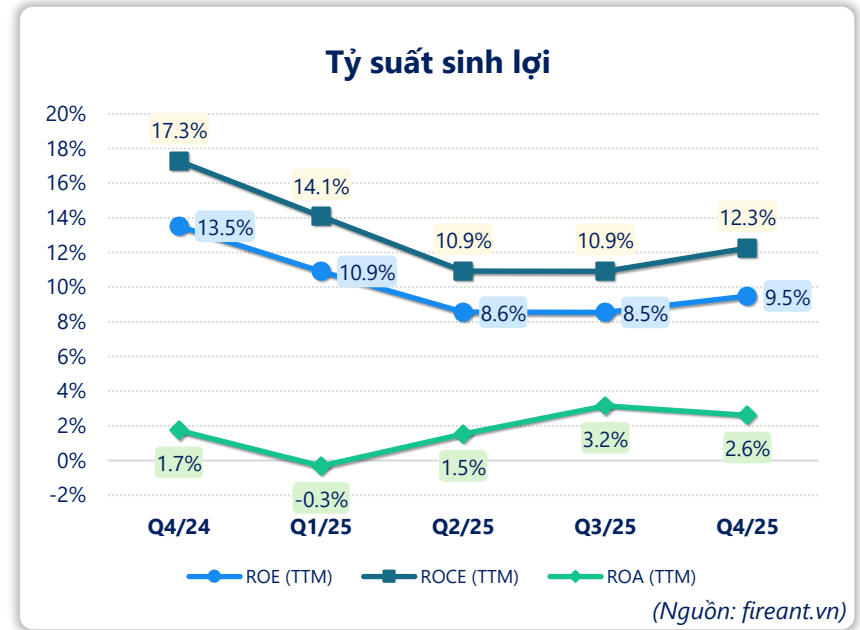
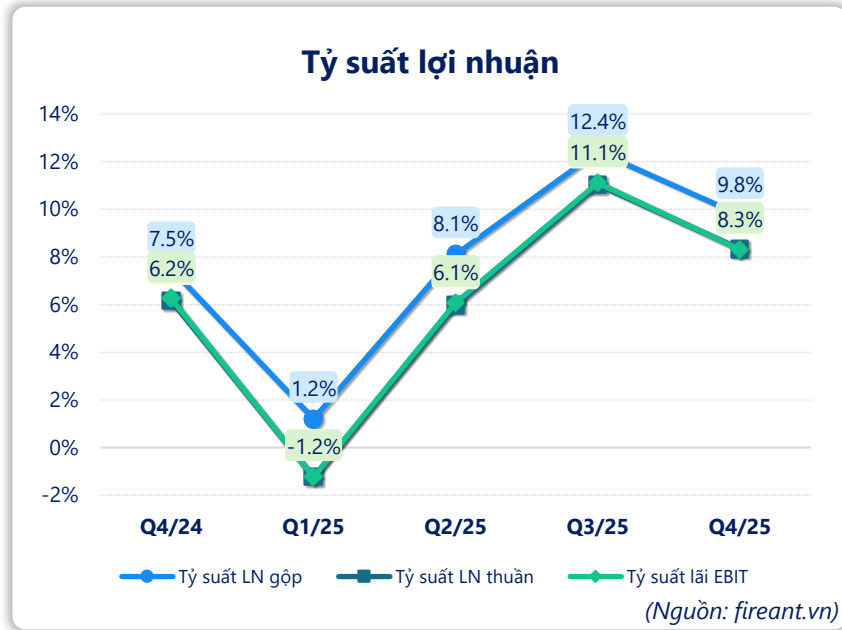
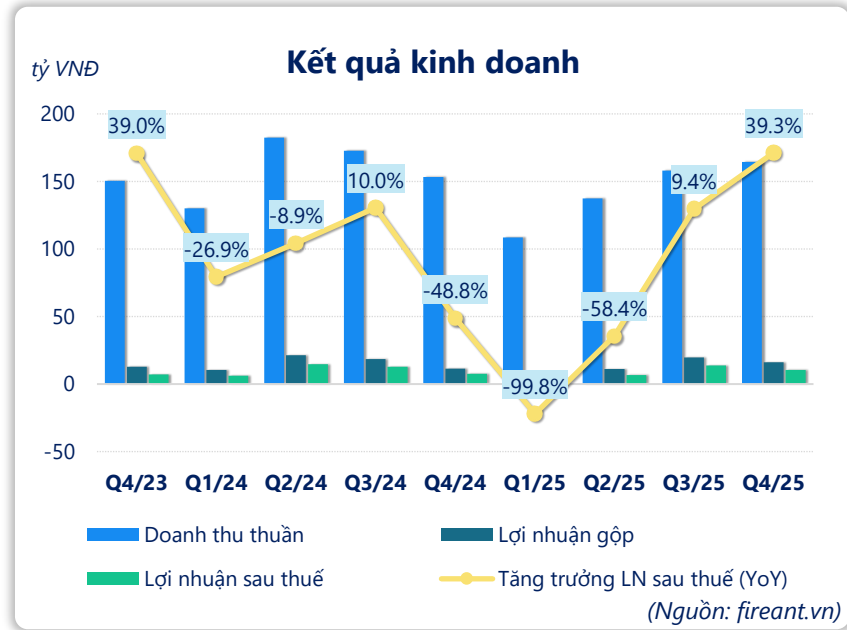


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		16,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		23,673
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		15,273
SL cổ phiếu LH		18,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		
% sở hữu nước ngoài		0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		302
P/E		10.2
EPS		1,641

	YTD	1T	3T	6T
BSH	-5.9%	0.0%	1.2%	-7.2%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	402	396	1.7%
Tài sản ngắn hạn	341	323	5.5%
Tiền và tương đương tiền	4.40	205	-97.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	228	10.0	2182%
Phải thu ngắn hạn	60.3	31.9	89.0%
Hàng tồn kho	45.2	74.3	-39.1%
Tài sản ngắn hạn khác	2.34	1.66	41.3%
Tài sản dài hạn	61.8	72.8	-15.2%
Phải thu dài hạn	0.01	0.01	0.0%
Tài sản cố định	57.1	68.7	-16.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	4.71	4.14	13.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	87.4	88.5	-1.3%
Nợ ngắn hạn	87.0	88.2	-1.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	11.3	15.2	-25.3%
Nợ dài hạn	0.34	0.25	39.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	315	307	2.6%
Vốn chủ sở hữu	315	307	2.6%
Vốn điều lệ	180	180	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	153	109	137	158	164
Giá vốn hàng bán	142	107	126	138	148
Lợi nhuận gộp	11.5	1.31	11.1	19.6	16.0
Doanh thu HĐTC	3.14	2.15	2.62	3.16	3.34
Chi phí TC	0	0	0.04	0.10	0.23
Chi phí lãi vay	0	0	0.04	0.10	0.23
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.94	0.46	0.91	0.65	0.47
Chi phí QLDN	4.24	4.34	4.60	4.58	4.98
LN thuần từ HĐKD	9.43	-1.34	8.20	17.4	13.7
Lợi nhuận khác	0.15	0.00	0.10	0.01	-0.28
LN trước thuế	9.58	-1.34	8.30	17.4	13.4
Lợi nhuận sau thuế	7.51	-1.36	6.76	13.8	10.4
LNST của CĐ cty mẹ	7.51	-1.36	6.76	13.8	10.4

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-58.3	12.9	57.9	28.9	-72.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-2.66	-34.7	-6.39	-223	55.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-17.9	-0.03	-18.0	-0.02	0
Tiền đầu kỳ	284	205	183	216	21.9
Lưu chuyển tiền thuần	-78.8	-21.9	33.6	-195	-17.5
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	205	183	216	21.9	4.40

(Nguồn: fireant.vn)